

MẪU NHÃN ĐĂNG KÝ CALCOLIFE

Tp.HCM, ngày tháng năm 2018
Tổng giám đốc



[Signature]
Phạm Thanh Hùng

Mẫu nhãn hộp 20 ống x ống 10ml

WHO - GMP

CALCOLIFE

Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml

*THUỐC DÙNG UỐNG
KHÔNG ĐƯỢC TIÊM
Bổ sung calci, chống loãng xương*

23.9
PHARMACEUTICAL

CÔNG TY CỔ PHẦN 23 THÁNG 9
Số 11, Tân Hóa, Phường 14, Quận 6, TP.HCM

Hộp 20 ống x ống 10ml

Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml
CALCOLIFE

CÔNG THỨC: Cho 1 ống thuốc 10ml:
 Calci lactat pentahydrat.....650mg
 (Tương đương 84,50mg calci)
 Tã được: vừa đủ 1 ống 10ml
**Chỉ định, Cách dùng, Liều dùng, Chống chỉ định
 và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử
 dụng thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Bảo quản: Nơi khô, thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ phòng (< 30°C).

**ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

WHO - GMP

CALCOLIFE

Calcium lactate pentahydrate 65 mg/ml

*FOR ORAL USE
NOT FOR INJECTION
Calcium supplements, anti-osteoporosis*

23.9
PHARMACEUTICAL

SEPTEMBER 23rd CORPORATION
No. 11, Tan Hoa street, Ward 14, District 6, HCM city

Box of 20 ampoules x 10ml

Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml
CALCOLIFE

COMPOSITION: Each ampoule of 10ml contains:
 Calcium lactate pentahydrate 650mg
 (Equivalent to 84.50mg calcium)
 Excipients: q.s. 1 ampoule of 10ml
**Indication, Dosage and Administration,
 Contraindication and other information:**
 Read the enclosed package insert.
Storage: In a dry place, avoid sunlight,
 room temperature (< 30°C).
Specification: In - House.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE**

Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

MẪU NHÃN ĐĂNG KÝ CALCOLIFE

Nhãn ống 5ml

Tp.HCM, ngày tháng năm 2018

Số lô SX:.....HD:.....



Ghi chú: Số lô SX, Hạn dùng được dập nổi trên ống thuốc

Phạm Thanh Hùng

Nhãn hộp 10 ống x ống 5ml

CALCOLIFE
Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml

WHO - GMP

CALCOLIFE

Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml

*THUỐC DÙNG UỐNG
KHÔNG ĐƯỢC TIÊM
Bổ sung calci, chống loãng xương*

CÔNG TY CỔ PHẦN 23 THÁNG 9
Số 11, Tân Hòa, Phường 14, Quận 6, TP. HCM

Hộp 10 ống x ống 5ml

CÔNG THỨC: Cho 1 ống thuốc 5ml:
 Calci lactat pentahydrat.....325mg
 (tương đương 42,25mg calci)
 Tá dược: vừa đủ 1 ống 5ml
Chỉ định, Cách dùng, Liều dùng, Chống chỉ định
 và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng
 thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Bảo quản: Nơi khô, thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ phòng (< 30°C).

**ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

CALCOLIFE
Calcium lactate pentahydrate 65 mg/ml

WHO - GMP

CALCOLIFE

Calcium lactate pentahydrate 65mg/ml

*FOR ORAL USE
NOT FOR INJECTION
Calcium supplements, anti-osteoporosis*

SEPTEMBER 23rd CORPORATION
No. 11, Tan Hoa street, Ward 14, District 6, HCM city

Box of 10 ampoules x 5ml

COMPOSITION: Each ampoule of 5ml contains:
 Calcium lactate pentahydrate 325mg
 (equivalent to 42.25mg calcium)
 Excipients: q.s. 1 ampoule of 5ml
**Indications, Dosage and Administration,
 Contraindications and other Information:**
 Read the enclosed package insert.
Storage: In a dry place, avoid sunlight,
 room temperature (< 30°C).
Specification: In - House.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE**

MẪU NHÃN ĐĂNG KÝ CALCOLIFE

Tp.HCM, ngày tháng năm 2018
Tổng giám đốc



Nhãn hộp 20 ống x ống 5ml

Phạm Thanh Hùng

Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml
CALCOLIFE

WHO - GMP

CALCOLIFE

Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml

*THUỐC DÙNG UỐNG
KHÔNG ĐƯỢC TIÊM
Bổ sung calci, chống loãng xương*



CÔNG TY CỔ PHẦN 23 THÁNG 9
Số 11, Tân Hóa, Phường 14, Quận 6, TP. HCM

Hộp 20 ống x ống 5ml

CÔNG THỨC: Cho 1 ống thuốc 5ml:
Calci lactat pentahydrat325mg
(tương đương 42,25mg calci)
Tá dược: vừa đủ 1 ống 5ml
**Chỉ định, Cách dùng, Liều dùng, Chống chỉ định
và các thông tin khác:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng
thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Bảo quản: Nơi khô, thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ phòng (< 30°C).

**ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

Số lô SX:

Ngày SX:

HD:

WHO - GMP

CALCOLIFE

Calcium lactate pentahydrate 65mg/ml

*FOR ORAL USE
NOT FOR INJECTION
Calcium supplements, anti-osteoporosis*



SEPTEMBER 23rd CORPORATION
No. 11, Tan Hoa street, Ward 14, District 6, HCM city

Box of 20 ampoules x 5ml

CALCOLIFE
Calcium lactate pentahydrate 65 mg/ml

COMPOSITION: Each ampoule of 5ml contains:
Calcium lactate pentahydrate 325mg
(equivalent to 42.25mg calcium)
Excipients: q.s. 1 ampoule of 5ml
**Indications, Dosage and Administration,
Contraindications and other information:**
Read the enclosed package insert.
Storage: In a dry place, avoid sunlight,
room temperature (< 30°C).
Specification: In - House.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE**

MẪU NHÃN ĐĂNG KÝ CALCOLIFE

Mẫu nhãn ống 10ml

Tp.HCM, ngày tháng năm 2018
Tổng giám đốc



Ghi chú: Số lô SX, Hạn dùng được dập nổi trên ống thuốc

Phạm Thanh Hùng

Mẫu nhãn hộp 10 ống x ống 10ml

CALCOLIFE
Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml


WHO - GMP

CALCOLIFE

Calci lactat pentahydrat 65 mg/ml

*THUỐC DÙNG UỐNG
KHÔNG ĐƯỢC TIÊM*

Bổ sung calci, chống loãng xương



CÔNG TY CỔ PHẦN 23 THÁNG 9
Số 11, Tân Hóa, Phường 14, Quận 6, TP.HCM

Hộp 10 ống x ống 10ml

CALCOLIFE
Calcium lactate pentahydrate 65 mg/ml

CÔNG THỨC: Cho 1 ống thuốc 10ml:
 Calci lactat pentahydrat.....650mg
 (Tương đương 84,50mg calci)
 Tã được: vừa đủ 1 ống 10ml
Chỉ định, Cách dùng, Liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Tiêu chuẩn: TCCS.
Bảo quản: Nơi khô, thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ phòng (< 30°C).

**ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

CALCOLIFE
Calcium lactate pentahydrate 65 mg/ml


WHO - GMP

CALCOLIFE

Calcium lactate pentahydrate 65 mg/ml

*FOR ORAL USE
NOT FOR INJECTION*

Calcium supplements, anti-osteoporosis



SEPTEMBER 23rd CORPORATION
No. 11, Tan Hoa street, Ward 14, District 6, HCM city

Box of 10 ampoules x 10ml

CALCOLIFE
Calcium lactate pentahydrate 65 mg/ml

COMPOSITION: Each ampoule of 10ml contains:
 Calcium lactate pentahydrate 650mg
 (Equivalent to 84.50mg calcium)
 Excipients: q.s. 1 ampoule of 10ml
**Indication, Dosage and Administration,
 Contraindication and other information:**
 Read the enclosed package insert.
Storage: In a dry place, avoid sunlight,
 : room temperature (< 30°C).
Specification: In - House.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE**

Số lô SX:
Ngày SX:
HD:

Dung dịch uống CALCOLIFE

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC:

Mỗi ống 5 ml dung dịch uống chứa:

Thành phần dược chất:

Calci lactat pentahydrat325,00 mg

(tương đương 42,25 mg Calci)

Thành phần tá dược: Đường RE, Natri saccharin, Acid citric, Sorbitol 70%, Cremophor RH40 (Polyoxyl 40 hydrogenated castor oil), Natri EDTA, Kali sorbat, Màu Tartrazin, Tinh dầu cam, Nước tinh khiết.

Mỗi ống 10 ml dung dịch uống chứa:

Thành phần dược chất:

Calci lactat pentahydrat650,00 mg

(tương đương 84,50 mg Calci)

Thành phần tá dược: Đường RE, Natri saccharin, Acid citric, Sorbitol 70%, Cremophor RH40 (Polyoxyl 40 hydrogenated castor oil), Natri EDTA, Kali sorbat, Màu Tartrazin, Tinh dầu cam, Nước tinh khiết.

DẠNG BÀO CHẾ: Dung dịch uống có màu vàng, có vị ngọt, mùi cam.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị các trường hợp thiếu hụt calci như: bổ sung calci trong khi có ~~thai~~ và cho con bú, loãng xương, kém hấp thu sau phẫu thuật dạ dày, nhuyễn xương, còi xương.

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG:

Cách dùng:

- Dùng uống trực tiếp trong hoặc sau bữa ăn.

Liều dùng:

Người lớn: mỗi ngày uống 325 – 650 mg (1-2 ống 5 ml hoặc 1 ống 10 ml).

Phụ nữ có thai trong 3 tháng cuối thai kỳ và khi cho con bú: mỗi ngày uống 975 – 1300 mg (3-4 ống 5 ml hoặc 2 ống 10 ml).

Trẻ em trên 3 tuổi: mỗi ngày uống 325 mg (1 ống 5 ml).

Các thận trọng đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng:

Không có yêu cầu đặc biệt về xử lý thuốc sau khi sử dụng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn cảm với các thành phần thuốc.
- Tăng calci huyết, tăng calci niệu, sỏi calci, vôi hoá mô, suy thận nặng.
- Không sử dụng calci bổ sung ở bệnh nhân đang được điều trị với glycosid tim như digoxin.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

- Theo dõi cẩn thận nồng độ calci huyết và sự bài tiết calci niệu nếu cần, đặc biệt khi sử dụng liệu pháp calci liều cao, nhất là ở trẻ em.

- Ngưng điều trị nếu nồng độ calci huyết vượt quá 2,625-2,75mmol/l (105-110mg/lít) hoặc nếu bài tiết calci niệu vượt quá 5mg/kg.
- Nên sử dụng thận trọng muối calci ở trẻ em với triệu chứng thiếu kali huyết, vì sự gia tăng nồng độ calci huyết thanh có thể làm giảm nồng độ kali huyết thanh.
- Nên sử dụng thận trọng muối calci đối với bệnh nhân bị suy giảm chức năng thận, bệnh tim, hoặc bệnh u hạt (sarcoidosis).
- Trong thành phần thuốc có chứa đường RE, bệnh nhân bị rối loạn di truyền hiếm gặp như không dung nạp fructose, kém hấp thu glucose-galactose hoặc thiếu hụt enzym sucrase-isomaltase không nên dùng thuốc này.
- Trong thành phần thuốc có chứa sorbitol, bệnh nhân bị rối loạn không dung nạp fructose do di truyền không nên dùng thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

- Các nghiên cứu có kiểm soát ở phụ nữ không cho thấy có nguy cơ gì trên bào thai khi dùng thuốc trong 3 tháng đầu của thai kỳ; không có dấu hiệu gì cho thấy dùng thuốc có khả năng gây nguy hiểm trong các tháng tiếp theo của thai kỳ và khả năng gây ảnh hưởng xấu đến bào thai hầu như là không có.
- Mặc dù calci bổ sung có tiết qua sữa, nhưng với nồng độ không gây bất kỳ một tác dụng nào ở trẻ sơ sinh.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Thuốc sử dụng được cho người vận hành máy móc và lái tàu xe.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

- Tăng calci máu có thể xảy ra khi sử dụng muối calci với thuốc lợi tiểu thiazid (dẫn đến giảm thải trừ calci qua nước tiểu) hoặc vitamin D (dẫn đến tăng hấp thu calci từ ruột).
- Corticosteroid: Làm giảm hấp thu calci từ ruột.
- Biphosphonat: Điều trị đồng thời muối calci với các biphosphonat (như alendronat, etidronat, ibandronat, risedronat) có thể dẫn đến giảm hấp thu biphosphonat từ đường tiêu hóa. Để làm giảm thiểu tác động của tương tác này, cần uống muối calci tối thiểu 30 phút sau khi uống alendronat hoặc risedronat; tối thiểu 60 phút sau khi uống ibandronat, và không được dùng trong vòng 2 giờ trước và sau khi uống etidronat.
- Các glycosid trợ tim: Calci cộng tác dụng hướng cơ tim và tăng độc tính của glycosid trợ tim; hậu quả có thể gây loạn nhịp tim nếu sử dụng đồng thời (đặc biệt khi calci dùng đường tĩnh mạch, đường uống nguy cơ thấp hơn).
- Chế phẩm sắt: Sử dụng đồng thời muối calci với các chế phẩm sắt đường uống có thể dẫn đến giảm hấp thu sắt, cần khuyên bệnh nhân sử dụng hai chế phẩm này tại các thời điểm khác nhau.
- Các quinolon: Sử dụng muối calci đồng thời với một số kháng sinh nhóm quinolon (ví dụ như ciprofloxacin) có thể làm giảm sinh khả dụng của quinolon, không được uống cùng một thời điểm, nên uống cách xa nhau tối thiểu 3 giờ.
- Các tetracyclin: Phức hợp của calci với các kháng sinh tetracyclin làm bất hoạt kháng sinh, vì vậy không được uống cùng một thời điểm, nên uống cách xa nhau tối thiểu 3 giờ.

Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC (ADR):

Tác động trên đường tiêu hóa: Muối calci dùng đường uống có thể gây kích ứng đường tiêu hóa. Muối calci cũng có thể gây táo bón.

Tăng calci máu: tăng calci máu hiếm gặp khi sử dụng calci đơn độc, nhưng có thể xảy ra khi dùng liều cao trên bệnh nhân suy thận mạn. Tăng calci máu nhẹ có thể không triệu chứng hoặc có các biểu hiện như táo bón, chán ăn, buồn nôn, và nôn mửa. Tăng calci máu rõ có thể biểu hiện những thay đổi tâm thần như lú lẫn, mê sảng.

HƯỚNG DẪN XỬ TRÍ ADR:

Tăng calci máu nhẹ thường dễ dàng kiểm soát được bằng cách giảm lượng calci đưa vào cơ thể (giảm liều hoặc ngừng bổ sung calci); các trường hợp tăng calci máu nặng có thể cần phải điều trị đặc hiệu (ví dụ như thẩm tách máu).

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

- Các triệu chứng của quá liều calci bao gồm chán ăn, mệt mỏi, buồn nôn, nôn mửa, nhức đầu, khát nước, chóng mặt và tăng urê huyết. Calci có thể hấp thu vào các mô bao gồm cả thận và động mạch và mức độ cholesterol trong huyết tương có thể tăng cao. Loạn nhịp tim và nhịp tim chậm cũng có thể xảy ra.
- Calci nên được giảm đến mức tối thiểu và nếu xảy ra tình trạng mất nước và mất chất điện giải cần cân bằng ngay lập tức.
- Tăng calci huyết nặng nên được điều trị bằng cách truyền tĩnh mạch bằng natri Clorid 0,9%, một số thuốc lợi tiểu quai có thể được đưa ra để làm tăng bài tiết calci niệu. Nếu bệnh nhân không dung nạp, calcitonin có thể được kiểm soát bằng đường tiêm hoặc thay thế bằng biphosphonat, plicamycin hoặc corticoid. Truyền phosphat không được khuyến cáo do nguy cơ vôi hóa di căn.
- Trong trường hợp nghiêm trọng, có thể loại bỏ calci bằng cách thẩm phân phúc mạc.
- Bệnh nhân có triệu chứng quá liều nên tránh tiếp xúc với ánh sáng mặt trời.
- Cần chăm sóc đặc biệt khi xảy ra quá liều với bệnh nhân có chức năng thận và gan suy yếu.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Thuốc bổ sung calci.

Mã ATC: A12AA05.

Dược lý và cơ chế tác dụng:

- Calci là một ion ngoài tế bào quan trọng, hóa trị 2. Lượng calci chiếm khoảng 1 - 2% khối lượng cơ thể, và trên 99% calci trong cơ thể được tìm thấy ở xương và răng, phần còn lại có mặt trong dịch ngoại bào, và một lượng nhỏ nằm trong tế bào. Calci ở xương chủ yếu dưới dạng hydroxyapatit. Lượng muối khoáng ở xương chiếm khoảng 40% trọng lượng xương. Xương là một mô động, trong đó diễn ra quá trình tiêu và tạo xương. Hàng năm một phần xương tái tạo lại. Tạo xương nhanh hơn tiêu xương ở trẻ đang lớn, cân bằng ở người trưởng thành khỏe mạnh và chậm lại ở người sau mãn kinh và người cao tuổi ở cả hai giới. Tỷ lệ tái tạo xương đặc (vỏ xương) có thể cao tới 50% hàng năm ở trẻ em và khoảng 5% hàng năm ở người trưởng thành; tái tạo xương xấp gấp khoảng 5 lần tái tạo xương đặc ở người trưởng thành. Ngoài chức năng đỡ cơ thể, bộ xương còn là nơi dự trữ calci. Tập luyện và cung cấp calci có tác động đến khối lượng xương, hiện nay chưa rõ cung cấp calci ảnh hưởng tốt đến xương có phải do tập luyện không.

Giảm estrogen lúc mãn kinh làm tăng mất calci ở xương, đặc biệt ở cột sống thắt lưng trong khoảng 5 năm; trong thời gian này, hàng năm mất calci ở xương khoảng 3%. Giảm nồng độ estrogen làm giảm hiệu quả hấp thu calci và làm tăng tốc độ quay vòng xương. Chưa biết tác dụng chính của estrogen đối với calci là ở xương hay ruột.

- Bổ sung calci cho phụ nữ tiền mãn kinh và thời kỳ đầu sau mãn kinh cho thấy tăng cung cấp calci không ngăn được mất xương xấp xỉ trong 5 năm đầu sau mãn kinh và nhu cầu cung cấp calci cho phụ nữ không tỏ ra thay đổi mạnh sau khi mãn kinh.
- Trong huyết tương người, nồng độ calci vào khoảng 8,5 mg đến 10,4 mg/dl (2,1 - 2,6 mmol/lít) trong đó khoảng 45% gắn với protein huyết tương, chủ yếu là albumin và khoảng 10% phức hợp với các chất đệm anionic (như citrat và phosphat). Phần còn lại là calci ion hóa (Ca^{++}).
- Ca^{++} rất cần thiết cho nhiều quá trình sinh học: kích thích neuron thần kinh, giải phóng chất dẫn truyền thần kinh, co cơ, bảo toàn màng và tham gia vào quá trình đông máu. Ca^{2+} còn giúp chức năng truyền tin thứ cấp cho hoạt động của nhiều hormon.
- Trên hệ tim mạch: ion calci rất cần thiết cho kích thích và co bóp cơ tim cũng như cho sự dẫn truyền xung điện trên một số vùng của cơ tim đặc biệt qua nút nhĩ thất. Sự khử cực của các sợi cơ tim mở các kênh Ca^{++} điều chỉnh điện thế và gây một dòng Ca^{++} chậm đi vào, trong thời gian tác dụng của điện thế cao nguyên. Dòng Ca^{2+} này cho phép thẩm thấu một lượng ion calci đủ để kích thích giải phóng thêm ion calci từ lưới cơ tương, vì vậy gây co cơ.
- Trên hệ thần kinh cơ: ion calci đóng vai trò quan trọng trong kích thích và co bóp cơ. Sự kích thích co cơ của ion calci xảy ra khi được giải phóng khỏi lưới cơ tương. Ion calci giải phóng kích thích co cơ bởi ion calci gắn với troponin, làm mất sự ức chế troponin trên tác actin-myosin. Sự giãn cơ xảy ra khi ion calci được đưa trở lại lưới cơ tương, phục hồi sự ức chế của troponin.
- Calci lactat là một dạng muối calci dùng đường uống. Muối calci đường uống được sử dụng trong dự phòng và điều trị thiếu calci.
- Thiếu calci xảy ra khi chế độ ăn hàng ngày không cung cấp đủ calci cho nhu cầu của cơ thể, hoặc trong một số tình trạng như giảm năng tuyến cận giáp, thiếu acid hydroclorid dịch vị, tiêu chảy mạn tính, thiếu hụt vitamin D, chứng phân mỡ, bệnh viêm ruột loét miệng (bệnh sprue), phụ nữ có thai và cho con bú, thời kỳ mãn kinh, viêm tụy, suy thận, nhiễm kiềm, tăng phosphat máu. Nhu cầu calci ở người ăn chay có thể tăng do tác dụng âm tính của oxalat và phytat (có nồng độ cao trong chế độ ăn chay) đối với sinh khả dụng của calci. Sử dụng một số loại thuốc (ví dụ như thuốc lợi tiểu, thuốc chống co giật...) đôi khi cũng dẫn đến hạ calci máu, đòi hỏi phải bổ sung calci.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Hấp thu:

Khoảng 25 – 50% calci được hấp thu qua đường tiêu hóa, chủ yếu ở ruột non theo cơ chế vận chuyển tích cực và khuếch tán thụ động.

Phân bố và chuyển hóa:

Xương và răng chứa khoảng 99% lượng calci của cơ thể, 1% còn lại phân bố đều giữa dịch trong và ngoài tế bào. Trong tổng lượng calci huyết thanh có 50% ở dạng ion hóa, 5% ở dạng phức hợp anion và 45% gắn kết với protein huyết tương.

Thải trừ:

Khoảng 20% calci thải qua đường tiêu và 80% qua phân, lượng thải qua phân này bao gồm lượng calci không hấp thu và lượng calci được tiết qua mật và dịch tụy. Bài tiết qua nước tiểu phụ thuộc vào lọc cầu thận và tái hấp thu ở ống thận.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

- Ống nhựa PVC/PE; Hộp 10 ống, hộp 20 ống x ống 5 ml.
- Ống nhựa PVC/PE; Hộp 10 ống, hộp 20 ống x ống 10 ml.

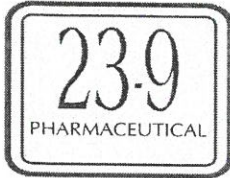
ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC:

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC:



CÔNG TY CỔ PHẦN 23 THÁNG 9

Số 11, Tân Hóa, Phường 14, Quận 6, TP.HCM

ĐT: (028) 7.3.075.588 – Fax: (028) 3.7.505.807

TP. HCM, ngày 14 tháng 09 năm 2018



Tổng Giám Đốc

PHẠM THANH HÙNG



TU. CỤC TRƯỞNG

P. TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Ngọc Anh